

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TỰ LẬP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng tự lập của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị

Ban Điều hành

Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Nguyễn Ngọc Thủy *Nguyễn*

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	1/1/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262,935,022,417	268,816,859,277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9,061,417,529	1,521,951,763
1. Tiền	111	4	9,061,417,529	1,521,951,763
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		253,830,342,277	267,294,907,514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	-	4,000,000,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,915,300,222	1,507,109,722
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	251,915,042,055	261,787,797,792
4. Thuế GTGT được khấu trừ	152		43,262,611	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,544,339,322,018	1,533,631,227,944
I. Tài sản cố định	220		552,651,070	645,461,920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	552,651,070	645,461,920
- Nguyên giá	222		1,139,016,215	1,139,016,215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(586,365,145)	(493,554,295)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,381,354,474	838,998,182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	1,381,354,474	838,998,182
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1,538,936,494,150	1,528,435,093,842
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,541,991,840,000	1,531,990,439,692
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239,100,000	239,100,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3,294,445,850)	(3,794,445,850)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3,468,822,324	3,711,674,000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,468,822,324	3,711,674,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,807,274,344,435	1,802,448,087,221


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	1/1/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		811,127,264,626	796,238,063,216
I. Nợ ngắn hạn	310		407,654,214,707	392,765,013,297
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	4,352,111,639	4,373,095,317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50,000,000	50,000,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	11,762,749,733	12,454,190,930
4. Phải trả người lao động	314		353,717,608	1,595,178,369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	78,110,261,772	62,192,073,678
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1,329,788,755	1,234,889,803
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	311,695,585,200	310,865,585,200
II. Nợ dài hạn	330		403,473,049,919	403,473,049,919
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	403,473,049,919	403,473,049,919
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		996,147,079,809	1,006,210,024,005
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	996,147,079,809	1,006,210,024,005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815,897,350,000	815,897,350,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		815,897,350,000	815,897,350,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		180,249,729,809	190,312,674,005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		190,312,674,005	55,986,475,446
- LNST chưa phân phối năm nay	421		(10,062,944,196)	134,326,198,559
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1,807,274,344,435	1,802,448,087,221



Nguyễn Ngọc Thủy 
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/03/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q1/2021	Q1/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	21,460,000,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	-	21,460,000,000
4. Giá vốn hàng bán	11	18	-	686,334,808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	20,773,665,192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	7,505,800,815	108,853
7. Chi phí tài chính	22	20	16,704,142,369	142,873,874,088
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16,204,142,369	16,501,797,670
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	862,053,690	2,222,545,781
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(10,060,395,244)	(124,322,645,824)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		2,548,952	-
12. Lợi nhuận khác (40 = - 32)	40		(2,548,952)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10,062,944,196)	(124,322,645,824)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(10,062,944,196)	(124,322,645,824)



Nguyễn Ngọc Thủy *Nguyễn*
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 31/03/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Q1/2021	Q1/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10,062,944,196)	(124,322,645,824)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	92,810,850	40,689,714
- Các khoản dự phòng	03	500,000,000	126,137,564,341
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,145,800,815)	414,403,224
- Chi phí lãi vay	06	17,204,142,369	16,501,797,670
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	588,208,208	18,771,809,125
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13,718,919,621	(244,698,584,746)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2,453,027,819)	(94,598,821,190)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	242,851,676	(1,284,043,346)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,280,954,275)	(1,914,018,263)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10,815,997,411	(323,723,658,420)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,369,973,287)	(827,616,995)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10,001,400,308)	(18,841,507,342)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,505,800,815	108,853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,865,572,780)	(19,669,015,484)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	349,090,000,000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(6,325,914,800)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	589,041,135	589,041,135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	589,041,135	343,353,126,335
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7,539,465,766	(39,547,569)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,521,951,763	517,356,034
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	9,061,417,529	477,808,465

Nguyễn Ngọc Thủy *Nguyễn*
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 12 ngày 31/03/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2021, Công ty có 04 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 79,69%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 87,45%.
- Công ty Cổ phần English Now Global với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)*

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 60,90% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần English Now Global: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

4. TIỀN

	<u>31/03/2021</u>	<u>1/1/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1,177,648,973	299,466,495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7,883,768,556	1,222,485,268
Cộng	<u>9,061,417,529</u>	<u>1,521,951,763</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/03/2021</u>	<u>1/1/2021</u>
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	-	4,000,000,000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (i)	-	4,000,000,000

Ghi chú:

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/03/2021</u>		<u>1/1/2021</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	251,915,042,055	-	261,787,797,792	-
Tạm ứng	13,472,896	-	-	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	145,311,997,500	-	42,915,000,000	-
- Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (i)	42,330,000,000	-	42,330,000,000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy (ii)	102,976,997,500	-	121,183,997,500	-
- Các đối tượng khác	5,000,000	-	5,000,000	-
Phải thu khác	106,589,571,659	-	98,268,800,292	-
- Công ty Cổ phần English Now Global	862,352,542	-	862,352,542	-
- Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia	133,614,409	-	133,614,409	-
- Nguyễn Ngọc Thủy	53,197,904,709	-	45,692,133,341	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải ShoolBus	51,580,700,000	-	51,580,700,000	-
- Các đối tượng khác	814,999,999	-	-	-
b) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần English Now Global	859,702,542	-	859,702,542	-
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	133,614,409	-	133,614,409	-

Ghi chú:

- (i) Giá trị đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “Phân dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng “Phần dự án trường học” trên khu đất thuộc dự án trên của Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Tiến độ hoàn thành sẽ là trong quý 4 năm 2020. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019.

- (ii) Là khoản Công ty đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax do ông Nguyễn Ngọc Thủy sở hữu theo thỏa thuận đặt cọc ngày 02/01/2020.

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
1/1/2021	802,350,909	336,665,306	1,139,016,215
Tăng do mua sắm	-	-	-
31/03/2021	802,350,909	336,665,306	1,139,016,215
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
1/1/2021	314,254,084	179,300,211	493,554,295
Khấu hao trong kỳ	20,058,771	72,752,079	92,810,850
31/03/2021	334,312,855	252,052,290	586,365,145
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1/1/2021	488,096,825	157,365,095	645,461,920
31/03/2021	468,038,054	84,613,016	552,651,070

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	838,998,182	838,998,182
Dự án Trường liên cấp Firbank	542,356,292	-
Cộng	1,381,354,474	838,998,182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2021			1/1/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	1,541,991,840,000	(3,169,345,850)		1,531,990,439,692	(3,669,345,850)	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	1,280,576,840,000	-		1,280,576,840,000	-	
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	174,900,000,000	-		174,900,000,000	-	
Công ty Cổ phần English Now Global (i)	25,500,000,000	(2,728,042,467)		25,500,000,000	(3,228,042,467)	
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia (ii)	61,015,000,000	(441,303,383)		51,013,599,692	(441,303,383)	
- Đầu tư vào đơn vị khác	239,100,000	(125,100,000)		239,100,000	(125,100,000)	
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125,100,000	(125,100,000)	-	125,100,000	(125,100,000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114,000,000	-		114,000,000	-	
Cộng	1,542,230,940,000	(3,294,445,850)		1,532,229,539,692	(3,794,445,850)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	48,769,384	79.69%	79.69%	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	17,490,000	87.45%	87.45%	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2,550,000	51.00%	80.00%	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	6,101,500	51.00%	51.00%	Giáo dục tiểu học

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2021		1/1/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	4,352,111,639	4,352,111,639	4,373,095,317	4,373,095,317
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	1,391,834,800	1,391,834,800	1,294,529,000	1,294,529,000
Công ty Cổ phần Quản lý tài sản Dzambala	1,302,917,400	1,302,917,400	1,302,917,400	1,302,917,400
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200
Các đối tượng khác	272,611,239	272,611,239	390,900,717	390,900,717

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/03/2021 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	618,785,014	-	325,000,000	293,785,014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11,174,527,089	-	-	11,174,527,089
Thuế thu nhập cá nhân	388,808,898	69,558,803	375,000,000	83,367,701
Các loại thuế khác	272,069,929	3,000,000	64,000,000	211,069,929
Cộng	12,454,190,930	72,558,803	764,000,000	11,762,749,733

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
a) Ngắn hạn	78,110,261,772	62,192,073,678
Lãi trái phiếu	12,996,232,876	3,584,452,055
Trích trước chi phí lãi tiền vay	65,114,028,896	58,602,621,623
Chi phí phải trả khác	-	5,000,000
Cộng	78,110,261,772	62,192,073,678

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngắn hạn	1,329,788,755	1,234,889,803
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	279,636,509	184,737,557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,050,152,246	1,050,152,246
- Ông Nguyễn Ngọc Thủy - bên liên quan (i)	-	-
- Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (chưa đến nhận cổ tức)	589,041,135	589,041,135
- Các đối tượng khác	461,111,111	461,111,111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/03/2021		1/1/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	310,865,585,200	310,865,585,200	310,865,585,200	310,865,585,200
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	301,714,085,200	301,714,085,200	301,714,085,200	301,714,085,200
Bà Trương Thị Tâm	9,151,500,000	9,151,500,000	9,151,500,000	9,151,500,000
b) Vay dài hạn	403,473,049,919	403,473,049,919	403,473,049,919	403,473,049,919
Trái phiếu phát hành	403,473,049,919	403,473,049,919	403,473,049,919	403,473,049,919
c) Trong đó: vay ngắn hạn là các bên liên quan	301,714,085,200	301,714,085,200	301,714,085,200	301,714,085,200
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	301,714,085,200	301,714,085,200	301,714,085,200	301,714,085,200

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	815,897,350,000	-	55,986,475,446	871,883,825,446
Tăng vốn góp trong năm	-	-	65,976,720,000	65,976,720,000
Lãi trong năm	-	-	68,349,478,559	68,349,478,559
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
1/1/2021	815,897,350,000	-	190,312,674,005	1,006,210,024,005
Tăng vốn góp trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	(10,062,944,196)	(10,062,944,196)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-
31/03/2021	815,897,350,000	-	180,249,729,809	996,147,079,809

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	496,899,990,000	502,829,990,000
Các đối tượng khác	318,997,360,000	313,067,360,000
Cộng	815,897,350,000	815,897,350,000

16. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I/2021	Quý I/2020
	VND	VND
a) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	21,460,000,000
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	-	21,460,000,000
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	21,460,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	-	686,334,808
Cộng	-	686,334,808

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền đặt cọc	7,505,800,815	108,853
Cộng	7,505,800,815	108,853

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	17,204,142,369	16,501,797,670
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(500,000,000)	126,137,564,341
Chi phí tài chính khác	-	234,512,077
Cộng	16,704,142,369	142,873,874,088

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Chi phí QLDN	862,053,690	2,222,545,781

21. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Quý I/2021</u>	<u>Quý I/2020</u>
	VND	VND
Chi phí khác	2,548,952	-
	2,548,952	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

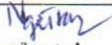
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN


Theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 - Thông tin về các bên liên quan, Công ty trình bày các thông tin về các nghiệp vụ giao dịch và số dư đối với các bên liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, trên báo cáo tài chính riêng, Công ty không trình bày các thông tin này.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng tự lập Q1/2020.

Nguyễn Ngọc Thủy 
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hải
Người lập